

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
**Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022**

---

Hà Nội, tháng 8 năm 2022

**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b><u>Trang</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO CÔNG TY	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ	8
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ	9 - 40



## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS

Tầng 1, Tháp A, Tòa nhà CT2 (The Light), Đường Tố Hữu, Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO CÔNG TY

Ban Lãnh đạo Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022.

#### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Xuất nhập khẩu Phục Hưng Constrexim, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103001141 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 24 tháng 6 năm 2002.

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Xuất nhập khẩu Phục Hưng Constrexim trước đây là Công ty TNHH Xây dựng Phục Hưng hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102002911 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 04 tháng 7 năm 2001. Giấy chứng nhận đăng ký Công ty Cổ phần mã số doanh nghiệp là 0101311315 do sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 25 tháng 10 năm 2010, Đăng ký kinh doanh thay đổi các lần và lần thứ 15 ngày 29/12/2021.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101311315 thay đổi lần thứ 15 ngày 29/12/2021 là 506.819.270.000 đồng (*Bằng chữ: Năm trăm lẻ sáu tỷ, tám trăm mười chín triệu, hai trăm bảy mươi nghìn đồng*).

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết trên sàn HOSE với Mã chứng khoán PHC.

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 1, Tháp A, Tòa nhà CT2 (The Light), Đường Tố Hữu, Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

##### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Cao Tùng Lâm	Chủ tịch
Ông Trần Hồng Phúc	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Thắng	Thành viên
Ông Trần Huy Tường	Thành viên
Ông Đỗ Nguyên An	Thành viên
Ông Nguyễn Công Khanh	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Điệp	Thành viên

##### BAN KIỂM SOÁT

Ông Nguyễn Như Phi	Trưởng ban
Ông Cao Xuân Dũng	Thành viên
Bà Phạm Thị Thanh Tuyền	Thành viên

##### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Trần Hồng Phúc	Tổng Giám đốc
Ông Trần Thắng Lợi	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Quốc Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hoàng Anh	Phó Tổng Giám đốc

**BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO CÔNG TY (TIẾP THEO)**

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Theo nhận định của Ban Lãnh đạo Công ty, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO CÔNG TY**

Ban Lãnh đạo Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ hoạt động. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Ban Lãnh đạo được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ để Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi.
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Ban Lãnh đạo cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Lãnh đạo xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện Ban Lãnh đạo,



**Cao Tùng Lâm**  
**Chủ tịch HĐQT**

Hà Nội, ngày 25 tháng 8 năm 2022

Số: 246/2022/BCSX-CPA VIETNAM-NV2

**BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các Cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Công ty cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings, được lập ngày 25 tháng 8 năm 2022, từ trang 05 đến trang 40, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30/6/2022, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

**Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo Công ty**

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2022, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

**Nguyễn Thị Mai Hoa****Giám đốc Kiểm toán**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 21/2022/UQ/CPA VIETNAM ngày 03/01/2022 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM****Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 25 tháng 8 năm 2022

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

TÀI SẢN	MS	TM	30/6/2022	01/01/2022
			VND	VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>1.863.367.922.755</b>	<b>1.889.928.988.888</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>21.992.235.043</b>	<b>53.652.380.029</b>
1. Tiền	111		21.992.235.043	53.652.380.029
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>1.850.219.539</b>	<b>1.827.171.376</b>
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	1.850.219.539	1.827.171.376
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.227.047.943.956</b>	<b>1.241.141.267.222</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	838.171.024.421	867.964.077.009
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	109.061.337.888	128.750.377.500
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	286.018.477.183	250.629.708.249
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(6.202.895.536)	(6.202.895.536)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.7</b>	<b>597.871.607.422</b>	<b>578.455.777.370</b>
1. Hàng tồn kho	141		597.871.607.422	578.455.777.370
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>14.605.916.795</b>	<b>14.852.392.891</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	357.907.558	266.926.994
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		11.472.934.242	14.582.710.897
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.16	2.775.074.995	2.755.000
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=220+230+240+250+260)	<b>200</b>		<b>437.790.821.204</b>	<b>336.824.464.729</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>41.954.893.891</b>	<b>42.504.826.504</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	41.795.376.473	42.353.067.375
- Nguyên giá	222		79.294.164.030	76.626.030.898
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(37.498.787.557)	(34.272.963.523)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	159.517.418	151.759.129
- Nguyên giá	228		900.895.600	841.705.600
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(741.378.182)	(689.946.471)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>5.11</b>	<b>72.437.958.909</b>	<b>73.523.003.826</b>
1. Nguyên giá	231		77.144.485.883	77.144.485.883
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(4.706.526.974)	(3.621.482.057)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>1.457.789.091</b>	<b>1.457.789.091</b>
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.12	1.457.789.091	1.457.789.091
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>320.206.622.000</b>	<b>217.484.622.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	5.13	93.960.000.000	93.960.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	5.13	191.321.980.000	108.599.980.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.13	24.642.000	24.642.000
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5.2	34.900.000.000	14.900.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.733.557.313</b>	<b>1.854.223.308</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	1.733.557.313	1.854.223.308
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100+200)	<b>270</b>		<b>2.301.158.743.959</b>	<b>2.226.753.453.617</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

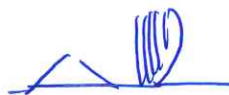
NGUỒN VỐN	MS	TM	30/6/2022	01/01/2022
			VND	VND
<b>C- NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>1.668.685.867.848</b>	<b>1.564.704.872.903</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.668.685.867.848</b>	<b>1.564.704.872.903</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.14	445.583.092.942	461.393.948.542
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.15	235.453.348.064	278.987.978.136
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.16	776.771.837	2.314.435.590
4. Phải trả người lao động	314		4.723.486.740	8.697.620.386
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17	81.487.638.922	33.850.016.804
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.18	898.115.852.197	777.744.468.481
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		1.147.977.146	1.313.704.964
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		1.397.700.000	402.700.000
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>632.472.876.111</b>	<b>662.048.580.714</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.19</b>	<b>632.472.876.111</b>	<b>662.048.580.714</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		506.819.270.000	506.819.270.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		506.819.270.000	506.819.270.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		67.567.846.314	67.567.846.314
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		13.000.000.000	13.000.000.000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		45.085.759.797	74.661.464.400
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		30.088.495.640	28.570.040.534
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		14.997.264.157	46.091.423.866
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)</b>	<b>440</b>		<b>2.301.158.743.959</b>	<b>2.226.753.453.617</b>

Người lập



Hà Thị Thu Hòa

Kế toán trưởng



Ngô Thị Minh Nguyệt

Hà Nội, ngày 25 tháng 8 năm 2022

Chủ tịch HĐQT



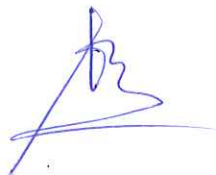
Cao Tùng Lâm

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022	6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	683.114.235.111	463.444.492.781
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.1	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	6.1	683.114.235.111	463.444.492.781
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	635.790.419.502	427.064.851.107
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		47.323.815.609	36.379.641.674
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	2.345.935.027	42.446.427.667
7. Chi phí tài chính	22	6.4	15.586.132.751	24.915.907.713
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		15.281.773.265	24.548.926.574
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	-	679.545.361
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	17.754.975.403	12.038.059.270
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		16.328.642.482	41.192.556.997
11. Thu nhập khác	31	6.6	6.586.613.767	2.781.119.543
12. Chi phí khác	32	6.6	3.955.291.425	769.058.453
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.6	2.631.322.342	2.012.061.090
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		18.959.964.824	43.204.618.087
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	3.962.700.667	8.370.708.012
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		14.997.264.157	34.833.910.075

Người lập



Hà Thị Thu Hòa

Kế toán trưởng



Ngô Thị Minh Nguyệt

Hà Nội, ngày 25 tháng 8 năm 2022

Chủ tịch HĐQT



Cao Tùng Lâm



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		18.959.964.824	43.204.618.087
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		5.240.209.796	3.296.853.883
- Các khoản dự phòng	03		(165.727.818)	(516.392.187)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(5.843.059.274)	(4.394.531.251)
- Chi phí lãi vay	06		15.281.773.265	24.548.926.574
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		33.473.160.793	66.139.475.106
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		16.697.652.074	3.438.295.983
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(19.415.830.052)	(48.831.749.460)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(59.181.603.775)	5.553.699.358
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		29.685.431	(7.189.105.874)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(15.281.773.265)	(24.548.926.574)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(5.528.366.575)	(170.173.720)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(5.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(49.212.075.369)	(5.608.485.181)
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(5.382.409.500)	(39.231.500.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		5.274.301.481	1.170.473.992
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(1.101.083.568)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		(20.000.000.000)	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(82.722.000.000)	(5.257.229.613)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	43.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		56.014.716	64.308.465
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(102.774.093.303)	(1.355.030.724)
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		605.823.735.179	787.834.944.968
4. Tiền chi trả nợ gốc vay			(485.452.351.463)	(827.537.481.988)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(45.360.030)	(143.957.300)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		120.326.023.686	(39.846.494.320)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(31.660.144.986)	(46.810.010.225)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	53.652.380.029	64.144.739.294
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	21.992.235.043	17.334.729.069

Người lập



Hà Thị Thu Hòa

Kế toán trưởng



Ngô Thị Minh Nguyệt

Hà Nội, ngày 25 tháng 8 năm 2022

Chủ tịch HĐQT



Cao Tùng Lâm



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings tiền thân là Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Xuất nhập khẩu Phục Hưng Constrexim, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103001141 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 24 tháng 6 năm 2002.

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Xuất nhập khẩu Phục Hưng Constrexim trước đây là Công ty TNHH Xây dựng Phục Hưng hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102002911 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 04 tháng 7 năm 2001. Giấy chứng nhận đăng ký Công ty Cổ phần mã số doanh nghiệp là 0101311315 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 25 tháng 10 năm 2010, Đăng ký kinh doanh thay đổi các lần và lần thứ 15 ngày 29/12/2021.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101311315 thay đổi lần thứ 15 ngày 29/12/2021 là 506.819.270.000 đồng (*Bằng chữ: Năm trăm lẻ sáu tỷ, tám trăm mười chín triệu, hai trăm bảy mươi nghìn đồng*).

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết trên sàn HOSE với Mã chứng khoán PHC.

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 1, Tháp A, Tòa nhà CT2 (The Light), Đường Tố Hữu, Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/6/2022 là 462 người (tại ngày 31/12/2021 là 458 người).

#### 1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động sản xuất kinh doanh theo đăng ký của Công ty bao gồm:

- Xây dựng công trình thủy;
- Xây dựng công trình khai khoáng;
- Xây dựng công trình chế biến, chế tạo;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Xây dựng công trình đường sắt;
- Xây dựng công trình đường bộ;
- Xây dựng công trình điện;
- Xây dựng công trình cấp, thoát nước;
- Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc;
- Xây dựng công trình công ích khác
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng: *Chi tiết: Trang trí nội, ngoại thất;*
- Chuẩn bị mặt bằng: *Chi tiết: xử lý nền móng công trình;*
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí: *Chi tiết: Lắp đặt, sửa chữa bảo hành hệ thống điều hòa không khí, điện lạnh; Thi công, lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, xử lý nước thải.*
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu: *Chi tiết: Sản xuất thực phẩm;*
- Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh: *Chi tiết: Sản xuất rượu;*
- Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia: *Chi tiết: Sản xuất bia;*
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng: *Chi tiết: Sản xuất nước giải khát;*
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: *Chi tiết: Sản xuất và buôn bán vật liệu xây dựng;*
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: *Chi tiết: Kinh doanh phát triển nhà; Kinh doanh bất động sản;*
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất: *Chi tiết: môi giới bất động sản;*
- .....

Trong kỳ hoạt động chính của Công ty là thi công các công trình dân dụng và công nghiệp, phát triển dự án.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

### 1.3. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng

### 1.4. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/6/2022, Công ty có các Công ty con, Công ty liên kết và Chi nhánh như sau:

*Các Công ty con, Công ty liên kết, cụ thể bao gồm:*

Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ biểu quyết
<b>Các Công ty con</b>				
Công ty TNHH MTV quản lý thiết bị xây dựng Phục Hưng	Hà Nội	Quản lý và khai thác thiết bị xây dựng	100,00%	100,00%
Công ty Cổ phần Cơ điện Phục Hưng	Hà Nội	Quản lý và thi công cơ điện	70,00%	70,00%
Công ty TNHH đầu tư PHK	Hà Nội	Sản xuất vật liệu xây dựng	100,00%	100,00%
Công ty Cổ phần Phú Lâm	Đắk Nông	Sản xuất thủy điện	80,00%	80,00%
<b>Các Công ty liên doanh, liên kết</b>				
Công ty Cổ phần Đầu tư kinh doanh An phú Hưng	Hà Nội	Đầu tư kinh doanh bất động sản	46,00%	46,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phục Hưng 7	Thanh Hóa	Xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	40,00%	40,00%
Công ty Cổ phần Nhà Mỹ Xuân Hà Nội (*)	Hà Nội	Kinh doanh bất động sản và Kinh doanh thương mại	19,75%	37,00%
Công ty TNHH Đầu tư Địa ốc An Thịnh Phát	Nghệ An	Đầu tư kinh doanh bất động sản	32,44%	32,44%

(\*) Tỷ lệ sở hữu tại Công ty Cổ phần Nhà Mỹ Xuân Hà Nội: Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings nắm giữ 19,75% vốn điều lệ của Công ty này và nắm giữ 17,25% vốn điều lệ thông qua sở hữu chéo tại Công ty Cổ phần Đầu tư kinh doanh An Phú Hưng.

*Các chi nhánh bao gồm:*

- + Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings - Chi nhánh miền Nam;
- + Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (tạm ngừng hoạt động);
- + Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings - Chi nhánh Thăng Long.

### 1.5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/11/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp là có thể so sánh được.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

### 2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được lập cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022.

#### Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

### 3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành.

#### Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Lãnh đạo Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022.

### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính giữa niên độ của các đơn vị trực thuộc và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty, các nghiệp vụ và số dư giữa Văn phòng Công ty với các đơn vị trực thuộc và giữa các đơn vị trực thuộc với nhau đã được loại trừ khi trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo là Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty, do vậy, không bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của các Công ty con. Người sử dụng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ nên đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 để có các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ của Công ty trong kỳ.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

#### Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ yêu cầu Ban Lãnh đạo phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

#### **Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

##### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

##### *Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác*

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà công ty nắm quyền kiểm soát, các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết, các khoản đầu tư khác được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

##### *Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư*

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào Công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

#### **Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

#### Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

#### Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm chi phí công cụ dụng cụ, chi phí bảo hiểm và chi phí khác.

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí bảo hiểm được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng theo thời gian bảo hiểm.

Chi phí khác được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng thời gian không quá 36 tháng.

#### Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	20 - 50
Máy móc và thiết bị	03 - 06
Phương tiện vận tải	03 - 06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05
Tài sản cố định hữu hình khác	03 - 05

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

#### Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính và được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao thời gian từ 03 đến 05 năm.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

#### Nguyên tắc kế toán và khấu hao Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng vật kiến trúc do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm toàn bộ các chi phí (tiền và tương đương tiền) mà Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính tới thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành Bất động sản đầu tư đó.

Các chi phí liên quan đến Bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho Bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá Bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc

Số năm  
20 - 50

Thanh lý: Lãi và lỗ do thanh lý bất động sản đầu tư được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

#### Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán chi phí đi vay.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

#### Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

#### Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ Báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty là dự phòng bảo hành công trình xây dựng.

#### Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

#### Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

#### Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán hàng (vật tư hàng hóa, hàng hóa bất động sản,...), doanh thu hợp đồng xây dựng, doanh thu cung cấp dịch vụ (cho thuê văn phòng và phí dịch vụ, cho thuê thiết bị),...

#### *Doanh thu bán hàng hóa*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán tổng hợp;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### *Doanh thu bán bất động sản*

Doanh thu bán bất động sản mà Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

#### Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)

##### *Doanh thu Hợp đồng xây dựng*

Doanh thu hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

##### *Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

##### *Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán*

Bao gồm giá vốn của công trình xây lắp, bán hàng và kinh doanh bất động sản đầu tư bán trong năm (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động,...) được ghi nhận phù hợp với doanh thu trong kỳ.

#### Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.
- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

#### Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

#### Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Báo cáo bộ phận**

Về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Công ty phân biệt 02 (hai) bộ phận: hoạt động kinh doanh bất động sản và hoạt động khác; hoạt động xây lắp. Tuy nhiên, trong năm, doanh thu và lợi nhuận hoạt động kinh doanh bất động sản và hoạt động khác chiếm chưa đến 10% doanh thu phát sinh và lợi nhuận trong năm. Về bộ phận theo khu vực địa lý: Công ty hoạt động trong khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam, không có khác biệt về rủi ro, lợi ích kinh tế. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/6/2022 VND	01/01/2022 VND
Tiền mặt	602.483.289	980.588.150
Tiền gửi ngân hàng	21.389.751.754	52.671.791.879
<b>Tổng</b>	<b>21.992.235.043</b>	<b>53.652.380.029</b>

**5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/6/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.850.219.539</b>	<b>1.850.219.539</b>	<b>1.827.171.376</b>	<b>1.827.171.376</b>
- Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	1.850.219.539	1.850.219.539	1.827.171.376	1.827.171.376
<b>Dài hạn</b>	<b>34.900.000.000</b>	<b>34.900.000.000</b>	<b>14.900.000.000</b>	<b>14.900.000.000</b>
- Trái phiếu (*)	34.900.000.000	34.900.000.000	14.900.000.000	14.900.000.000
<b>Tổng</b>	<b>36.750.219.539</b>	<b>36.750.219.539</b>	<b>16.727.171.376</b>	<b>16.727.171.376</b>

(\*) Giấy chứng nhận quyền sở hữu Trái phiếu phát hành ra công chúng của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ngày 19/12/2018; Mã Trái phiếu: BID2\_18.06\_06135 ngày 19/12/2018; Số lượng: 1.490 Trái phiếu; Mệnh giá 1 Trái phiếu là 10.000.000 đồng/Trái phiếu; Thời hạn Trái phiếu là 10 năm; Ngày phát hành 19/12/2018; Ngày đáo hạn 19/12/2028; Phương thức trả lãi: định kỳ 1 năm 1 lần vào ngày thanh toán lãi Trái phiếu.

Giấy chứng nhận quyền sở hữu trái phiếu BIDL2128002C cấp lần 1, Sở hữu trái phiếu ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam; Số lượng: 200.000 tại ngày 25/01/2022; Mệnh giá một trái phiếu: 100.000 VND; Tổng mệnh giá trái phiếu: 20.000.000.000 VND; Thời hạn trái phiếu: 07 năm; Lãi suất: Theo quy định tại Bản Cáo Bạch; Phương thức trả lãi: định kỳ 01 năm một lần kể từ ngày phát sinh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

**5.3 Phải thu khách hàng ngắn hạn**

	30/6/2022 VND	01/01/2022 VND
Tổng Công ty phát triển đô thị Kinh Bắc - CTCP	7.157.958.180	22.474.163.008
Công ty Cổ phần Tasco	2.060.941.182	2.060.941.182
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và kỹ thuật VNCN E&C	49.865.835.557	49.865.835.557
Công ty TNHH Gamuda Land Việt Nam	62.885.489.228	56.876.433.668
Công ty Cổ phần Đầu tư bất động sản Đông Đô - BQP	62.537.187.967	90.536.087.967
Công ty cổ phần tập đoàn Ecopark	11.216.544.230	20.474.766.807
Công ty TNHH Xây dựng Sản xuất Thương mại Tài nguyên	167.849.700.025	167.849.700.025
Công ty Cổ phần Đầu tư và thương mại Trung Yên	27.677.679.417	27.677.679.417
Công ty Cổ phần Phú Lâm	63.258.378.418	63.337.963.439
Công ty TNHH Liên doanh Ô tô Hòa Bình	-	3.506.767.200
Công ty cổ phần bất động sản tập đoàn Tân Á Đại Thành - Meyland	41.155.113.593	-
Chi nhánh Hà Tây - Công ty Cổ phần Tập Đoàn Nam Cường Hà Nội	28.132.464.751	-
Các đối tượng khác (*)	314.373.731.873	363.303.738.739
<b>Tổng</b>	<b>838.171.024.421</b>	<b>867.964.077.009</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)</i>	<i>133.398.347.306</i>	<i>135.313.869.976</i>

(\*): Các đối tượng khác bao gồm khoản phải thu các khách hàng có số dư nhỏ hơn 10% tổng giá trị số dư công nợ phải thu khách hàng.

**5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	30/6/2022 VND	01/01/2022 VND
Công ty TNHH Phát triển thương mại Lâm Anh	7.857.322.742	11.243.552.397
Công ty Cổ phần TKB Việt Nam	21.725.737.236	28.861.978.000
Các đối tượng khác (*)	79.478.277.910	88.644.847.103
<b>Tổng</b>	<b>109.061.337.888</b>	<b>128.750.377.500</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Trả trước cho người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)</i>	<i>5.762.255.373</i>	<i>-</i>

(\*): Các đối tượng khác bao gồm khoản trả trước cho người bán có số dư nhỏ hơn 10% tổng giá trị số dư công nợ trả trước cho người bán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

**5.5 Phải thu khác**

	30/6/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá trị ghi số	Dự phòng	Giá trị ghi số	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>	<b>286.018.477.183</b>	-	<b>250.629.708.249</b>	-
- Công ty Cổ phần Cơ Giới và XD Thăng Long	3.000.000.000	-	3.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 06 Thăng Long	1.500.000.000	-	1.500.000.000	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng 7	2.000.000.000	-	1.200.000.000	-
- Công ty CP Đầu tư Tài Nguyên và Năng Lượng Điện Biên	10.000.000.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Nhà Máy Xuân Hà Nội	36.593.714.732	-	30.030.012.170	-
- Công ty Cổ phần Phú Lâm	18.535.000.001	-	17.773.808.220	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư kinh doanh An Phú Hưng	6.834.551.208	-	3.591.780.821	-
- Các khoản phải thu khác (*)	91.322.835.787	-	99.552.616.600	-
- Ký cược, ký quỹ	-	-	2.000.000	-
- Tạm ứng	116.232.375.455	-	93.979.490.438	-
<b>Tổng</b>	<b>286.018.477.183</b>	-	<b>250.629.708.249</b>	-

*Trong đó:*

*Phải thu khác các bên liên quan*

*(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)*

63.963.265.941

52.595.601.211

(\*): Các đối tượng khác bao gồm khoản phải thu các đối tượng có số dư nhỏ hơn 10% tổng giá trị số dư công nợ phải thu khác.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

	30/6/2022 (VND)			01/01/2022 (VND)		
	Giá trị gốc	Dự phòng	Giá có thể thu hồi	Giá trị gốc	Dự phòng	Giá có thể thu hồi
<b>5.6 Nợ xấu</b>						
Công ty Cổ phần Tiềm năng	409.412.885	409.412.885	-	409.412.885	409.412.885	-
Công ty Cổ phần Thương mại Du lịch Vũng Tàu- Sài Gòn	2.483.981.107	1.458.810.080	1.025.171.027	2.483.981.107	1.458.810.080	1.025.171.027
Công ty Cổ phần Khách sạn và Du lịch Bảo Việt	1.330.119.400	1.330.119.400	-	1.330.119.400	1.330.119.400	-
Công ty Xây dựng 201	281.467.000	281.467.000	-	281.467.000	281.467.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Bạch Đằng 234	539.593.754	537.127.421	2.466.333	539.593.754	537.127.421	2.466.333
Công ty TNHH Hoàng Khôi	257.898.800	257.898.800	-	257.898.800	257.898.800	-
Công ty CP Đầu tư xây lắp dầu khí IMICO	13.044.263.372	500.000.000	12.544.263.372	13.044.263.372	500.000.000	12.544.263.372
Ban Quản lý Các dự án từ nguồn vốn Ngân sách- Sở khoa học và công nghệ Hà Nội	414.116.000	204.973.779	209.142.221	414.116.000	204.973.779	209.142.221
Các đối tượng khác	1.223.086.171	1.223.086.171	-	1.223.086.171	1.223.086.171	-
<b>Tổng</b>	<b>19.983.938.489</b>	<b>6.202.895.536</b>	<b>13.781.042.953</b>	<b>19.983.938.489</b>	<b>6.202.895.536</b>	<b>13.781.042.953</b>

	30/6/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<b>5.7 Hàng tồn kho</b>				
Nguyên liệu, vật liệu	-	-	-	76.875.741.400
Công cụ, dụng cụ	163.788.000	-	-	163.788.000
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	572.796.448.529	-	-	476.504.877.077
Hàng hóa	24.911.370.893	-	-	24.911.370.893
<b>Tổng</b>	<b>597.871.607.422</b>	-	-	<b>578.455.777.370</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

**5.7 Hàng tồn kho (Tiếp theo)**

*Trong đó:*

(\*): Chi tiết các công trình sản xuất kinh doanh dở dang:

	30/6/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Dự án chung cư Golden Land 275 Nguyễn Trãi	39.921.748.790	39.921.748.790	52.789.495.934	52.789.495.934
Dự án Tổ hợp Mỹ Đình Pearl	54.912.598.527	54.912.598.527	-	-
Dự án Ecopark	16.901.703.593	16.901.703.593	30.116.365	30.116.365
Dự án EVERGREEN	-	-	738.402.523	738.402.523
Nhà khách phía Nam của Tổng cục Hậu Cần tại thành phố Nha Trang tỉnh Khánh Hòa (gói 12)	26.940.688.415	26.940.688.415	4.090.000	4.090.000
Biệt thự Meyhomes Phú Quốc	22.753.208.770	22.753.208.770	101.203.372.008	101.203.372.008
Dự án chung cư cao tầng HH2 Gamuda City	104.942.103.335	104.942.103.335	98.385.990.005	98.385.990.005
Các dự án khác	306.424.397.099	306.424.397.099	223.353.410.242	223.353.410.242
<b>Tổng</b>	<b>572.796.448.529</b>	<b>572.796.448.529</b>	<b>476.504.877.077</b>	<b>476.504.877.077</b>

**5.8 Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn**

	30/6/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>357.907.558</b>	<b>266.926.994</b>
Công cụ, dụng cụ, thiết bị	242.629.780	73.895.319
Chi phí bảo hiểm	25.277.778	94.125.588
Chi phí khác	90.000.000	98.906.087
<b>Dài hạn</b>	<b>1.733.557.313</b>	<b>1.854.223.308</b>
Công cụ, dụng cụ, thiết bị	1.733.557.313	1.854.223.308
<b>Tổng</b>	<b>2.091.464.871</b>	<b>2.121.150.302</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

**5.9 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

*Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư tại 01/01/2022	28.461.674.007	34.066.455.055	13.649.816.361	448.085.475	76.626.030.898
Tăng trong kỳ	-	287.000.000	5.036.219.500	-	5.323.219.500
Mua trong kỳ	-	287.000.000	5.036.219.500	-	5.323.219.500
Giảm trong kỳ	-	2.463.242.711	-	191.843.657	2.655.086.368
Thanh lý, nhượng bán	-	2.463.242.711	-	191.843.657	2.655.086.368
Số dư tại 30/6/2022	28.461.674.007	31.890.212.344	18.686.035.861	256.241.818	79.294.164.030
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư tại 01/01/2022	8.464.419.376	18.691.428.152	6.688.806.592	428.309.403	34.272.963.523
Tăng trong kỳ	1.043.157.369	2.322.038.488	726.917.614	11.619.697	4.103.733.168
Khấu hao trong kỳ	1.043.157.369	2.322.038.488	726.917.614	11.619.697	4.103.733.168
Giảm trong kỳ	-	686.065.477	-	191.843.657	877.909.134
Thanh lý, nhượng bán	-	686.065.477	-	191.843.657	877.909.134
Số dư tại 30/6/2022	9.507.576.745	20.327.401.163	7.415.724.206	248.085.443	37.498.787.557
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại 01/01/2022	19.997.254.631	15.375.026.903	6.961.009.769	19.776.072	42.353.067.375
Tại 30/6/2022	18.954.097.262	11.562.811.181	11.270.311.655	8.156.375	41.795.376.473

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2022 là 2.565.597.453 đồng (tại ngày 01/01/2022 là 2.757.441.110 đồng).

Giá trị còn lại tài sản cố định hữu hình đã dùng hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2022 là 31.569.024.727 đồng (tại ngày 01/01/2022 là 26.195.447.340 đồng).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

**5.10 Tăng, giảm Tài sản cố định vô hình**

*Đơn vị tính: VND*

	Phần mềm tin học	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số dư tại 01/01/2022	841.705.600	841.705.600
Tăng trong kỳ	59.190.000	59.190.000
Mua trong kỳ	59.190.000	59.190.000
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại 30/6/2022	<u>900.895.600</u>	<u>900.895.600</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Số dư tại 01/01/2022	689.946.471	689.946.471
Tăng trong kỳ	51.431.711	51.431.711
Khấu hao trong kỳ	51.431.711	51.431.711
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại 30/6/2022	<u>741.378.182</u>	<u>741.378.182</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại 01/01/2022	151.759.129	151.759.129
Tại 30/6/2022	<u>159.517.418</u>	<u>159.517.418</u>

**5.11 Bất động sản đầu tư**

*Đơn vị tính: VND*

Khoản mục	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
<b>a. Bất động sản đầu tư cho thuê</b>				
Nguyên giá	77.144.485.883	-	-	77.144.485.883
- Nhà và quyền sử dụng đất	77.144.485.883	-	-	77.144.485.883
Giá trị hao mòn lũy kế	3.621.482.057	1.085.044.917	-	4.706.526.974
- Nhà và quyền sử dụng đất	3.621.482.057	1.085.044.917	-	4.706.526.974
Giá trị còn lại	73.523.003.826	(1.085.044.917)	-	72.437.958.909
- Nhà và quyền sử dụng đất	73.523.003.826	(1.085.044.917)	-	72.437.958.909

Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 30/6/2022 là 72.437.958.909 đồng (tại ngày 01/01/2022 là 33.915.528.082 đồng).

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cần được trình bày trên Thuyết minh Báo cáo tài chính. Tại thời điểm 30/6/2021, Công ty có thực hiện thuê đơn vị có Chức năng thẩm định giá để xác định giá trị hợp lý của các Bất động sản Công ty là chủ sở hữu (Giá trị bất động sản theo Giấy chứng nhận QSDĐ, QSH nhà ở và các tài sản gắn liền với đất số CN 566356, CP 777449, CP 555914, CN 868908, DC 402746, DC 402745, DC 402743, DC 402742 và CR 555422) với giá trị là 294.300.000.000 đồng theo Chứng thư thẩm định giá số 280621/TĐG-CT ngày 28/6/2021 của Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Định giá ASCO Thẩm định giá trị tài sản cho mục đích Tham khảo làm cơ sở thế chấp vốn vay Ngân hàng.

**5.12 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	30/6/2022	01/01/2022
	VND	VND
Chi phí xây dựng phần mềm	1.326.880.000	1.326.880.000
Chi phí xây dựng và hoàn thiện quy chế Quản trị hiện đại và định hướng tương lai	130.909.091	130.909.091
<b>Tổng</b>	<u>1.457.789.091</u>	<u>1.457.789.091</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

**5.13 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

Đơn vị tính: VND

	Tỷ lệ		30/6/2022		01/01/2022	
	Vốn năm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào Công ty con						
Công ty TNHH MTV Quản lý thiết bị xây dựng Phục Hưng	100,00%	100,00%	93.960.000.000	-	93.960.000.000	-
Công ty Cổ phần Cơ điện Phục Hưng	70,00%	70,00%	3.500.000.000	-	3.500.000.000	-
Công ty TNHH Đầu tư PHK	100,00%	100,00%	60.000.000	-	60.000.000	-
Công ty Cổ phần Phú Lâm	80,00%	80,00%	70.400.000.000	-	70.400.000.000	-
<b>Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết</b>						
Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh An Phú Hưng	46,00%	46,00%	191.321.980.000	-	108.599.980.000	-
Công ty CP Đầu tư xây dựng Phục Hưng 7	40,00%	40,00%	82.800.000.000	-	82.800.000.000	-
Công ty Cổ phần Nhà Mỹ Xuân Hà Nội	19,75%	37,00%	8.000.000.000	-	8.000.000.000	-
Công ty TNHH Đầu tư Địa ốc An Thịnh Phát (**)	32,44%	32,44%	17.799.980.000	-	17.799.980.000	-
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>						
Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam			24.642.000	-	24.642.000	-
<b>Tổng</b>			<b>285.306.622.000</b>	<b>(*)</b>	<b>202.584.622.000</b>	<b>(*)</b>

(\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(\*\*) Trong kỳ, Công ty thực hiện đầu tư vào Công ty TNHH Địa ốc An Thịnh Phát theo Quyết định số 01/2022/PH-HĐQT ngày 05/01/2022 của Hội đồng Quản trị Công ty.

(\*\*\*) Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết trong năm được trình bày tại Thuyết minh số 7.1 - Giao dịch các bên liên quan của Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

**5.14 Phải trả người bán**

	30/6/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>445.583.092.942</b>	<b>445.583.092.942</b>	<b>461.393.948.542</b>	<b>461.393.948.542</b>
Công ty Cổ phần Kyocons	13.779.489.313	13.779.489.313	14.529.489.313	14.529.489.313
Công ty Cổ phần Xây dựng và Kỹ thuật An Nam	769.593.848	769.593.848	769.593.848	769.593.848
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Long Hưng	2.263.100.985	2.263.100.985	2.275.115.985	2.275.115.985
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng phát triển Việt Tiệp	8.467.805.801	8.467.805.801	8.294.265.100	8.294.265.100
Công ty Cổ phần Fountech	20.209.356.370	20.209.356.370	13.150.113.165	13.150.113.165
Công ty TNHH Việt Đức	-	-	5.968.060.000	5.968.060.000
Công ty TNHH Thương mại và xây dựng Thu Ngân	1.966.432.319	1.966.432.319	1.522.553.568	1.522.553.568
Công ty TNHH Freyssinet Việt Nam	300.191.855	300.191.855	300.191.855	300.191.855
Công ty Cổ phần Xây dựng Lâm Hoàng Anh	615.431.200	615.431.200	9.948.148.904	9.948.148.904
Công ty TNHH Văn Lang	10.491.208.569	10.491.208.569	20.491.208.569	20.491.208.569
Công ty Cổ phần Thương mại Cơ Điện Lạnh Tân Phát	710.290.366	710.290.366	1.217.630.646	1.217.630.646
Công ty Cổ phần Xây dựng Phúc Hưng CONS	4.545.327.382	4.545.327.382	14.230.498.446	14.230.498.446
Công ty Cổ phần xây dựng PHCONS	13.312.837.086	13.312.837.086	13.461.087.726	13.461.087.726
Phải trả các đối tượng khác (*)	368.152.027.848	368.152.027.848	355.235.991.417	355.235.991.417
<b>Tổng</b>	<b>445.583.092.942</b>	<b>445.583.092.942</b>	<b>461.393.948.542</b>	<b>461.393.948.542</b>
<i>Trong đó:</i>				
<b>Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	<b>14.687.786.077</b>	<b>14.687.786.077</b>	<b>23.216.328.795</b>	<b>23.216.328.795</b>
<i>(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)</i>				

(\*): Các đối tượng khác bao gồm khoản phải trả người bán của các đối tượng có số dư nhỏ hơn 10% tổng giá trị số dư công nợ phải trả người bán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

**5.15 Người mua trả tiền trước**

	30/6/2022	01/01/2022
	VND	VND
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Pros	50.595.092.849	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn đầu tư An Lạc	42.794.782.608	23.434.019.709
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Kiến trúc Xanh Việt Nam	-	41.363.643.513
Tổng Cục Hậu cần	47.346.897.040	47.346.897.040
Công ty CP đầu tư XĐL và KD BĐS Hưng Phát Phú Quốc	11.287.225.336	-
Công ty cổ phần HBI	4.236.479.668	29.672.733.473
Các đối tượng khác (*)	79.192.870.563	137.170.684.401
<b>Tổng</b>	<b>235.453.348.064</b>	<b>278.987.978.136</b>

(\*): Các đối tượng khác bao gồm người mua ứng tiền của các đối tượng có số dư nhỏ hơn 10% tổng giá trị số dư công nợ người mua ứng tiền trước.

**5.16 Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước**

*Đơn vị tính: VND*

	01/01/2022	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/6/2022
<b>Phải nộp</b>	<b>2.314.435.590</b>	<b>9.059.015.558</b>	<b>10.596.679.311</b>	<b>776.771.837</b>
Thuế giá trị gia tăng	54.916.177	-	-	54.916.177
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	2.263.509.750	2.263.509.750	-
Thuế Xuất nhập khẩu	-	2.354.309.750	2.354.309.750	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.912.133.670	3.962.700.667	5.528.366.575	346.467.762
Thuế thu nhập cá nhân	347.385.743	471.949.523	443.947.368	375.387.898
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	6.545.868	6.545.868	-
<b>Phải thu</b>	<b>2.755.000</b>	-	<b>2.772.319.995</b>	<b>2.775.074.995</b>
Thuế giá trị gia tăng	2.755.000	-	2.772.319.995	2.775.074.995

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

**5.17 Phải trả khác**

	30/6/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngân hạn	81.487.638.922	33.850.016.804
Kinh phí công đoàn	524.263.904	725.285.810
Bảo hiểm xã hội	412.185.594	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	80.551.189.424	33.124.730.994
<i>Thưởng HĐQT và Ban điều hành</i>	3.027.427.160	-
<i>Cổ tức phải trả</i>	41.036.512.700	536.331.130
<i>Các khoản phải trả khác (*)</i>	36.487.249.564	32.588.399.864
<b>Tổng</b>	<b>81.487.638.922</b>	<b>33.850.016.804</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả khác là các bên liên quan</i>	<i>3.000.000.000</i>	<i>3.000.000.000</i>
<i>(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)</i>		

(\*): Các đối tượng khác bao gồm khoản phải trả có số dư nhỏ hơn 10% tổng giá trị số dư công nợ phải trả khác.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HUNG HOLDINGS**  
 Tầng 1, Tháp A, Tòa nhà CT2 (The Light), Đường Tố Hữu  
 Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN  
 Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

5.18 Vay và nợ ngắn hạn và dài hạn

	30/6/2022		Phát sinh trong kỳ		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	890.205.996.906	890.205.996.906	605.823.735.179	483.190.801.463	767.573.063.190	767.573.063.190
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Đô (1)	889.917.196.906	889.917.196.906	605.823.735.179	483.190.801.463	767.284.263.190	767.284.263.190
Các khoản vay cá nhân	288.800.000	288.800.000	-	-	288.800.000	288.800.000
Vay dài hạn đến hạn trả	7.909.855.291	7.909.855.291	-	2.261.550.000	10.171.405.291	10.171.405.291
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Đô (2)	7.909.855.291	7.909.855.291	-	2.261.550.000	10.171.405.291	10.171.405.291
<b>Tổng</b>	<b>898.115.852.197</b>	<b>898.115.852.197</b>	<b>605.823.735.179</b>	<b>485.452.351.463</b>	<b>777.744.468.481</b>	<b>777.744.468.481</b>

6-27  
 KIỂM TỐC 12/11

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

**5.18 Vay và nợ ngắn hạn và dài hạn (Tiếp theo)**

(1) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2021/36032/HĐTD ký ngày 30/9/2021 giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Đô và Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings với Hạn mức cấp tín dụng là 2.265.000.000 VND gồm cả Việt Nam đồng và ngoại tệ quy đổi, trong đó đã bao gồm toàn bộ dư nợ vay ngắn hạn, dư bảo lãnh, mở L/C của Khách hàng được chuyển tiếp từ Hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2020/3602/HĐTD ngày 30/9/2020 sang. Mục đích: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh. Thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng không quá 30/09/2022. Lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể cho từng lần giải ngân. Thời hạn cho vay/ thời hạn bảo lãnh/ thời hạn L/C được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể, L/C được phát hành.

(2) Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Đô theo các hợp đồng sau:

+ Hợp đồng tín dụng số 07/2018/36032/HĐTD ngày 28/8/2018 với số tiền vay trên hợp đồng: 2.130.000.000 đồng, lãi suất áp dụng tại thời điểm giải ngân đến ngày 31 tháng 12 năm 2018: 11,1%/năm, lãi suất thả nổi điều chỉnh 6 tháng/1 lần vào ngày đầu tiên Quý I và Quý III hàng năm, được áp dụng theo thông báo của ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh. Góc vay trả vào ngày 25 của tháng cuối quý, bắt đầu từ Quý III/2018 đến hết ngày 28/8/2023 theo lịch trả nợ, lãi vay trả ngày 25 hàng tháng. Mục đích vay vốn đầu tư mua 02 bộ cầu thép QTZ160(TC6024) để nâng cao năng lực thi công của công ty. Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày rút khoản vốn đầu tiên. Tài sản bảo đảm: Tài sản hình thành từ vốn vay.

+ Hợp đồng tín dụng số 02/2019/36032/HĐTD ngày 05/3/2019 với số tiền vay trên hợp đồng: 11.625.000.000 đồng, lãi suất áp dụng tại thời điểm giải ngân đến ngày 30/6/2019: 11.1%/năm, lãi suất thả nổi điều chỉnh 6 tháng/lần theo thông báo ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh. Góc vay trả trong 20 kỳ vào ngày 25 hàng tháng. Lãi vay được trả vào ngày 25 hàng tháng. Mục đích vay: thanh toán tiền ván khuôn nhôm. Thời hạn vay: 60 tháng. Biện pháp bảo đảm: tài sản hình thành từ vốn vay.

+ Hợp đồng tín dụng số 01/2019/36032/HĐTD ngày 22/02/2019 với số tiền vay trên hợp đồng: 12.877.850.000 đồng, lãi suất áp dụng tại thời điểm giải ngân đến ngày 30/6/2019: 11.1%/năm, lãi suất thả nổi điều chỉnh 6 tháng/lần theo thông báo lãi suất của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh. Góc vay trả trong 20 kỳ vào ngày 25 hàng tháng, lãi vay được trả vào ngày 25 hàng tháng. Mục đích vay: Thanh toán tiền ván khuôn nhôm, thời hạn vay: 60 tháng. Biện pháp bảo đảm: Tài sản hình thành từ vốn vay.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

## 5.19 Vốn chủ sở hữu

## a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2021	257.482.600.000	37.791.048.633	-	13.000.000.000	49.165.410.534	357.439.059.167
Tăng vốn	228.741.300.000	29.776.797.681	-	-	-	258.518.097.681
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	46.091.423.866	46.091.423.866
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	20.595.370.000	-	-	-	(20.595.370.000)	-
<b>Số dư tại 31/12/2021</b>	<b>506.819.270.000</b>	<b>67.567.846.314</b>	<b>-</b>	<b>13.000.000.000</b>	<b>74.661.464.400</b>	<b>662.048.580.714</b>
Số dư tại 01/01/2022	506.819.270.000	67.567.846.314	-	13.000.000.000	74.661.464.400	662.048.580.714
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	14.997.264.157	14.997.264.157
Trả cổ tức (i)	-	-	-	-	(40.545.541.600)	(40.545.541.600)
Thưởng Hội đồng quản trị và Ban điều hành (i)	-	-	-	-	(3.027.427.160)	(3.027.427.160)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	-	-	-	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
<b>Số dư tại 30/6/2022</b>	<b>506.819.270.000</b>	<b>67.567.846.314</b>	<b>-</b>	<b>13.000.000.000</b>	<b>45.085.759.797</b>	<b>632.472.876.111</b>

Đơn vị tính: VND

(i) Công ty thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, số 01/2022/PH/NQ-DHĐCĐ ngày 25/4/2022, theo đó kết quả thực hiện:

- + Chia cổ tức 8%/Vốn điều lệ là 40.545.541.600 đồng;
- + Trích quỹ khen thưởng phúc lợi là 1.000.000.000 đồng;
- + Thưởng Hội đồng quản trị và Ban điều hành là 3.027.427.160 đồng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

**5.19 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	30/6/2022	01/01/2022
	VND	VND
Cao Tùng Lâm	59.119.900.000	59.119.900.000
Các cổ đông khác	447.699.370.000	447.699.370.000
<b>Tổng</b>	<b>506.819.270.000</b>	<b>506.819.270.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021
	VND	VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp tại đầu kỳ	506.819.270.000	257.482.600.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại cuối kỳ	506.819.270.000	257.482.600.000
Cổ tức đã chia	40.545.541.600	-
Phân phối các quỹ	4.027.427.160	-

**d. Cổ phiếu**

	30/6/2022	01/01/2022
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	50.681.927	50.681.927
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	50.681.927	50.681.927
Cổ phiếu phổ thông	50.681.927	50.681.927
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	50.681.927	50.681.927
Cổ phiếu phổ thông	50.681.927	50.681.927
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6.1 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND
Doanh thu hợp đồng xây dựng	671.343.143.210	436.661.727.770
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp thiết bị	11.771.091.901	4.653.713.483
Doanh thu kinh doanh bất động sản	-	22.129.051.528
<b>Tổng</b>	<b>683.114.235.111</b>	<b>463.444.492.781</b>

*Trong đó:*

*Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ  
với các bên liên quan*

*(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)*

<i>3.812.920.791</i>	<i>28.627.941.640</i>
----------------------	-----------------------

**6.2 Giá vốn hàng bán**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND
Giá vốn hợp đồng xây dựng	628.270.042.646	401.148.988.183
Giá vốn bán hàng hóa và cung cấp thiết bị	7.520.376.856	3.208.975.125
Giá vốn kinh doanh bất động sản	-	22.706.887.799
<b>Tổng</b>	<b>635.790.419.502</b>	<b>427.064.851.107</b>

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.545.935.027	2.836.305.829
Cổ tức, lợi nhuận được chia	800.000.000	1.601.113.600
Lãi chậm thanh toán	-	38.009.008.238
<b>Tổng</b>	<b>2.345.935.027</b>	<b>42.446.427.667</b>

*Trong đó:*

*Doanh thu hoạt động tài chính  
với các bên liên quan*

*(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)*

<i>800.000.000</i>	<i>1.600.000.000</i>
--------------------	----------------------

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

**6.4 Chi phí tài chính**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND
Lãi tiền vay	15.281.773.265	24.548.926.574
Chi phí hoạt động tài chính khác	304.359.486	366.981.139
<b>Tổng</b>	<b>15.586.132.751</b>	<b>24.915.907.713</b>

**6.5 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND
Chi phí bán hàng	-	679.545.361
Chi phí bằng tiền khác		679.545.361
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>17.754.975.403</b>	<b>12.038.059.270</b>
Chi phí nhân viên quản lý	7.407.751.302	5.144.699.248
Chi phí đồ dùng văn phòng	11.442.636	327.739.951
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.493.564.445	1.618.169.255
Thuế phí và lệ phí	19.821.715	25.646.362
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.659.564.364	1.395.451.436
Chi phí bằng tiền khác	5.162.830.941	3.526.353.018
<b>Tổng</b>	<b>17.754.975.403</b>	<b>12.717.604.631</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

**6.6 Thu nhập khác/Chi phí khác**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND
<b>Thu nhập khác</b>		
Thu từ thanh lý tài sản, CCDC và cho thuê thiết bị	5.274.301.481	-
Phí hoa hồng cho việc môi giới nhà ở	-	7.201.248
Thu nhập từ phạt vi phạm hợp đồng	189.773.500	
Cung cấp tiện ích cho nhà thầu tại các công trường	50.000.000	616.073.663
Thu nhập khác	1.072.538.786	2.157.844.632
<b>Tổng</b>	<b>6.586.613.767</b>	<b>2.781.119.543</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Giá trị còn lại thanh lý TSCĐ, CCDC và cho thuê thiết bị	1.777.177.234	42.888.178
Bảo hành các công trình	905.194.863	-
Chi phí chi cho việc cho đơn vị khác sử dụng tiện ích chung tại các công trường	-	350.000.000
Chi phí khác	1.272.919.328	376.170.275
<b>Tổng</b>	<b>3.955.291.425</b>	<b>769.058.453</b>
<b>Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)</b>	<b>2.631.322.342</b>	<b>2.012.061.090</b>

**6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>18.959.964.824</b>	<b>43.204.618.087</b>
Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế	1.653.538.513	248.921.972
<i>Chi phí không được trừ</i>	<i>1.221.538.513</i>	<i>14.921.972</i>
<i>Lương thù lao HĐQT, BKS không trực tiếp điều hành</i>	<i>432.000.000</i>	<i>234.000.000</i>
Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế	800.000.000	1.600.000.000
<i>Cổ tức nhận được</i>	<i>800.000.000</i>	<i>1.600.000.000</i>
<b>Thu nhập tính thuế TNDN</b>	<b>19.813.503.337</b>	<b>41.853.540.059</b>
Thuế suất TNDN	20%	20%
<b>Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành</b>	<b>3.962.700.667</b>	<b>8.370.708.012</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

**6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	262.274.408.483	81.112.644.183
Chi phí nhân công	20.172.674.887	20.588.491.659
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.240.209.796	3.296.853.883
Chi phí thuê thầu phụ và dịch vụ mua ngoài	408.167.800.194	83.355.995.927
Chi phí khác bằng tiền	41.442.366.706	4.615.012.430
<b>Tổng</b>	<b>737.297.460.066</b>	<b>192.968.998.082</b>

**7. THÔNG TIN KHÁC**

**7.1 Giao dịch với các bên liên quan**

Tại ngày 30/6/2022, Công ty có các bên liên quan như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
<b>Tổ chức</b>	
Công ty TNHH MTV Quản lý thiết bị xây dựng Phục Hưng	Công ty con
Công ty Cổ phần Cơ điện Phục Hưng	Công ty con
Công ty TNHH Đầu tư PHK	Công ty con
Công ty Cổ phần Phú Lâm	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phục Hưng 7	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Nhà Mỹ Xuân Hà Nội	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư kinh doanh An Phú Hưng	Công ty liên kết
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và các cá nhân có liên quan đến các thành viên quản lý chủ chốt	Thành viên Lãnh đạo chủ chốt

**Trong kỳ, Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:**

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc, Thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng và những người quản lý khác:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc tại ngày 30/6/2022 VND	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc tại ngày 30/6/2021 VND
Lương và thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	Lương và thù lao	936.000.000	632.000.000
Tiền lương của Tổng giám đốc và người quản lý khác	Lương	1.820.188.800	1.353.971.032

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

**7.1 Giao dịch với các bên liên quan (Tiếp theo)**

***Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị***

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức danh</u>	Kỳ kế toán 6 tháng	Kỳ kế toán 6 tháng
		30/6/2022	30/6/2021
		VND	VND
Cao Tùng Lâm	Chủ tịch HĐQT	120.000.000	120.000.000
Trần Huy Tường	Thành viên HĐQT	108.000.000	76.000.000
Trần Hồng Phúc	Thành viên HĐQT	108.000.000	36.000.000
Nguyễn Đức Thắng	Thành viên HĐQT	108.000.000	76.000.000
Đỗ Nguyên An	Thành viên HĐQT chuyên trách	108.000.000	76.000.000
Nguyễn Ngọc Điệp	Thành viên HĐQT	108.000.000	36.000.000
Nguyễn Công Khanh	Thành viên HĐQT	108.000.000	76.000.000

***Thù lao Thành viên Ban Kiểm soát***

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức danh</u>	Kỳ kế toán 6 tháng	Kỳ kế toán 6 tháng
		30/6/2022	30/6/2021
		VND	VND
Nguyễn Thị Lan	Trưởng BKS (Miễn nhiệm ngày 22/4/2021)	-	40.000.000
Nguyễn Như Phi	Thành viên (Bổ nhiệm Trưởng BKS ngày 22/4/2021)	108.000.000	56.000.000
Phạm Thị Thanh Tuyền	Thành viên BKS	30.000.000	30.000.000
Cao Xuân Dũng	Thành viên BKS	30.000.000	10.000.000

***Tiền lương của Tổng Giám đốc và người quản lý khác***

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức danh</u>	Kỳ kế toán 6 tháng	Kỳ kế toán 6 tháng
		30/6/2022	30/6/2021
		VND	VND
Trần Hồng Phúc	Tổng Giám đốc	334.237.000	301.070.495
Đỗ Nguyên An	Thành viên HĐQT chuyên trách	241.882.000	223.541.685
Trần Thắng Lợi	Phó Tổng Giám đốc	247.609.000	221.992.685
Nguyễn Hoàng Anh	Phó Tổng Giám đốc	261.420.200	-
Lê Quốc Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	247.501.600	227.813.712
Đặng Trọng Đức	Trợ lý Chủ tịch HĐQT/Phụ trách quản trị	239.698.800	146.649.743
Ngô Thị Minh Nguyệt	Kế toán trưởng	247.840.200	232.902.712

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

**7.1 Giao dịch với các bên liên quan (Tiếp theo)**

**Giao dịch với các bên liên quan**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>Tính chất giao dịch</b>	<b>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND</b>	<b>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND</b>
<b>Bán hàng</b>			<b>3.812.920.791</b>	<b>28.627.941.640</b>
Công ty Cổ phần Nhà Mỹ Xuân Hà Nội	Công ty liên kết	Xây lắp và dịch vụ khác	1.404.559.502	26.438.691.132
Công ty Cổ phần Phú Lâm	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	142.643.498	-
Công ty TNHH MTV quản lý thiết bị xây dựng Phục Hưng	Công ty con	Cho thuê thiết bị, văn phòng và dịch vụ khác	1.921.647.766	2.046.303.788
Công ty Cổ phần cơ điện Phục Hưng	Công ty con	Cho thuê văn phòng và dịch vụ khác	344.070.025	108.836.364
Công ty Cổ phần Đầu tư kinh doanh An Phú Hưng	Công ty liên kết	Thanh lý tài sản	-	34.110.356
<b>Mua hàng</b>			<b>39.935.542.757</b>	<b>18.032.385.682</b>
Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng 7	Công ty liên kết	Xây lắp	-	155.848.440
Công ty cổ phần Nhà Mỹ Xuân Hà Nội	Công ty liên kết	Mua hàng hóa, dịch vụ	8.655.433.881	32.549.625
Công ty TNHH MTV quản lý thiết bị xây dựng Phục Hưng	Công ty con	Thuê thiết bị	14.741.426.991	17.843.987.617
Công ty Cổ phần cơ điện Phục Hưng	Công ty con	Xây lắp	16.533.209.885	-
	Công ty con	Hàng hóa, vật tư	5.472.000	-
<b>Cổ tức</b>			<b>800.000.000</b>	<b>1.600.000.000</b>
Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng 7	Công ty liên kết	Cổ tức	800.000.000	1.600.000.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

**7.1 Giao dịch với các bên liên quan (Tiếp theo)**

**Số dư với các bên liên quan**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>30/6/2022 VND</b>	<b>01/01/2022 VND</b>
<b>Phải thu khách hàng</b>		<b>133.398.347.306</b>	<b>135.313.869.976</b>
Công ty TNHH MTV Quản lý thiết bị xây dựng Phục Hưng	Công ty con	1.560.171.876	5.746.674.346
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phục Hưng 7	Công ty liên kết	-	1.562.628.276
Công ty Cổ phần Nhà Mỹ Xuân Hà Nội	Công ty liên kết	25.620.769.754	25.963.366.082
Công ty Cổ phần Đầu tư kinh doanh An Phú Hưng	Công ty liên kết	41.800.000.000	38.042.770.387
Công ty Cổ phần Cơ điện Phục Hưng	Công ty con	1.159.027.258	660.467.446
Công ty Cổ phần Phú Lâm	Công ty con	63.258.378.418	63.337.963.439
<b>Trả trước cho người bán</b>		<b>5.762.255.373</b>	<b>-</b>
Công ty TNHH MTV quản lý thiết bị xây dựng Phục Hưng	Công ty con	520.601.684	-
Công ty Cổ phần Cơ điện Phục Hưng	Công ty con	5.241.653.689	-

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>30/6/2022 VND</b>	<b>01/01/2022 VND</b>
<b>Phải thu khác</b>		<b>63.963.265.941</b>	<b>52.595.601.211</b>
Công ty CP Nhà Mỹ Xuân Hà Nội	Công ty liên kết	36.593.714.732	30.030.012.170
Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng 7	Công ty liên kết	2.000.000.000	1.200.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư kinh doanh An Phú Hưng	Công ty liên kết	6.834.551.208	3.591.780.821
Công ty Cổ phần Phú Lâm	Công ty con	18.535.000.001	17.773.808.220
<b>Phải trả người bán</b>		<b>14.687.786.077</b>	<b>23.216.328.795</b>
Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng 7	Công ty liên kết	14.190.235.720	15.752.863.996
Công ty Cổ phần Nhà Mỹ Xuân Hà Nội	Công ty liên kết	497.550.357	862.477.664
Công ty TNHH MTV quản lý thiết bị xây dựng Phục Hưng	Công ty con	-	4.533.159.697
Công ty Cổ phần Cơ điện Phục Hưng	Công ty con	-	2.067.827.438
<b>Phải trả khác</b>		<b>3.000.000.000</b>	<b>3.000.000.000</b>
Công ty Cổ phần Nhà Mỹ Xuân Hà Nội	Công ty liên kết	3.000.000.000	3.000.000.000



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

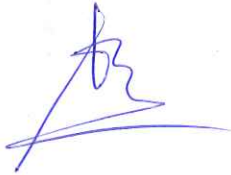
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

**7.2 Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên hãng Kiểm toán INPACT.

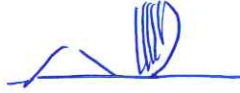
Số liệu so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên hãng Kiểm toán INPACT.

Người lập



**Hà Thị Thu Hòa**

Kế toán trưởng



**Ngô Thị Minh Nguyệt**

Hà Nội, ngày 25 tháng 8 năm 2022

Chủ tịch HĐQT



**Cao Tùng Lâm**